

Số: 415/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 21 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng
khoáng sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016 đến năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

UBND HUYỆN CHƯ PƠI
ĐẾN Số 2032
Ngày 29/6/2016
Chuyển:.....
Lưu hồ sơ số:.....

Căn cứ Điều 142, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 58/2009/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2010 đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 914/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2010 đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2010 đến năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2015 đến năm 2020;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1093/TTr-STNMT ngày 31 tháng 5 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016 đến năm 2020, với các nội dung chính sau:

1. Bổ sung 12 khu vực khoáng sản vào quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016 đến năm 2020, bao gồm:

- Đá làm vật liệu xây dựng thông thường: 06 khu vực;
- Cát xây dựng: 05 khu vực (đối với các khu vực mỏ cát xây dựng tại huyện Phú Thiện, khi tiến hành cấp phép khai thác phải thống nhất với chính quyền địa phương và được UBND tỉnh cho phép, hạn chế khai thác cùng lúc nhiều khu vực cát trên một dòng sông làm ảnh hưởng đến mỹ quan và dòng chảy);
- Đất san lấp: 01 khu vực.

(Chi tiết các khu vực khoáng sản theo phụ lục kèm theo)

2. Các nội dung khác: Thực hiện theo Quyết định số 58/2009/QĐ-UBND ngày 28/12/2009; Quyết định số 914/QĐ-UBND ngày 27/12/2010; Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 08/10/2013, Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 06/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Giao thông vận tải; Giám đốc Công an tỉnh, Cục trưởng Cục thuế tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Đ/c Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Tổng cục ĐC&KS Việt Nam;
- Cục KS H&KS Miền Trung;
- Đ/c Chánh VP, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu VT, TTTH, KT, TH, NL, CNXD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Ngọc Thành

**UBND HUYỆN CHƯ PƯH
VĂN PHÒNG HĐND-UBND**

Số: 1726/SY-VP

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT HĐND-UBND huyện;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, CVTN.

SAO Y BẢN CHÍNH

Chư Pưh, ngày 30 tháng 6 năm 2016

CHÁNH VĂN PHÒNG



Phạm Đức Ngọc

PHỤ LỤC:
DANH SÁCH CÁC KHU VỰC KHOÁNG SẢN BỔ SUNG VÀO QUY HOẠCH
PHẠM VI KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG KHOÁNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH GIA LAI GIAI ĐOẠN 2016 - 2020
Quyết định số 415/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai

Số TT	Hệ tọa độ VN 2000		Vị trí khu vực mỏ	Số hiệu trên bản đồ	Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m ³)
	X (m)	Y (m)				
I	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường					
01	1503.400	0437.520	Xã Ia Vê, huyện Chư Prông	Bxd(01)	2,14	Cấp 334b: 214.000 m ³
	1503.600	0437.586				
	1503.600	0437.660				
	1503.400	0437.660				
02	1551.350	0425.040	Xã Ia Bă, huyện Ia Grai	Bxd(02)	3,57	Cấp 334b: 357.000 m ³
	1551.460	0425.040				
	1551.460	0425.095				
	1551.680	0425.095				
	1551.680	0425.170				
	1551.350	0425.200				
03	1501.455	0466.831	Xã H' Bông, huyện Chư Sê	Vxd(03)	2,98	Cấp 334b: 298.000 m ³
	1501.556	0466.868				
	1501.511	0467.064				
	1501.340	0467.031				
04	1498.041	0469.067	Xã H' Bông, huyện Chư Sê	Bxd(04)	2,59	Cấp 334b: 259.000 m ³
	1498.198	0469.342				
	1498.126	0469.383				
	1497.972	0469.111				
05	1498.910	0468.350	Xã H' Bông, huyện Chư Sê	Vxd(05)	2,76	Cấp 334b: 276.000 m ³
	1498.740	0468.543				
	1498.666	0468.427				
	1498.794	0468.300				
06	1475.621	0525.730	Xã Chư Rằm, huyện Krông Pa	Gxd (06)	3,04	Cấp 334b: 456.000 m ³
	1475.855	0525.730				
	1475.855	0525.860				
	1475.621	0525.860				
II	Cát xây dựng					
01	1487.504	0496.603	Xã Chư Mố, huyện Ia Pa	Cxd(07)	10,1	Cấp 334b: 202.000 m ³
	1486.544	0496.345				
	1486.569	0496.227				
	1487.524	0496.523				
02	1498.224	0481.629	Xã Ia Sol và TT. Phú Thiện, huyện Phú Thiện	Cxd(08)	7,1	Cấp 334b: 142.000 m ³
	1498.287	0481.581				
	1498.434	0481.719				
	1498.439	0481.869				
	1498.345	0482.078				
	1498.221	0482.157				
	1498.239	0482.209				
	1498.359	0482.256				

	1498.329 1498.131 1498.138 1498.294 1498.366 1498.367	0482.343 0482.255 0482.140 0482.022 0481.853 0481.732				
03	1498.080 1498.146 1498.173 1498.252 1498.195 1498.146 1498.124 1498.087	0479.701 0479.707 0480.077 0480.679 0480.699 0480.385 0480.124 0479.863	Xã Ia Sol và TT. Phú Thiện, huyện Phú Thiện	Cxd(09)	6,24	Cấp 334b: 124.800 m ³
04	1498.015 1497.759 1497.743 1497.997	0483.753 0483.823 0483.760 0483.683	Xã Ia Sol và TT. Phú Thiện, huyện Phú Thiện	Cxd(10)	1,80	Cấp 334b: 36.000 m ³
05	1489.051 1489.157 1489.088 1489.201 1489.282 1489.148	0488.903 0489.077 0489.280 0489.308 0489.062 0488.847	Xã Chrô Ponan và xã Ia Yeng	Cxd(11)	5,3	Cấp 334b: 106.000 m ³
III	Đất san lấp					
01	1559.403 1559.448 1559.894 1559.871	0446.925 0446.862 0446.957 0447.010	Xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh	Đsl(12)	2,95	Cấp 334b: 147.500m ³